



S U B L I M A

VẢI DỆT KIM HIỆU NĂNG

CATALOGUE SẢN PHẨM

148 chất liệu có sẵn · TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vải dệt kim pha len & Merino

24 chất liệu

Vải dệt kim pha Acetate & Cashmere

46 chất liệu

Vải dệt kim Lyocell & TENCEL

14 chất liệu

Vải Air-Layer & Scuba dệt kim đôi

23 chất liệu

Vải sọc gân, chéo & co giãn

21 chất liệu

Vải cotton, lanh & sợi tự nhiên

14 chất liệu

Vải Chenille & nhung

6 chất liệu

Mục lục

Vải dệt kim pha len & Merino	24 chất liệu
Vải dệt kim pha Acetate & Cashmere	46 chất liệu
Vải dệt kim Lyocell & TENCEL	14 chất liệu
Vải Air-Layer & Scuba dệt kim đôi	23 chất liệu
Vải sọc gân, chéo & co giãn	21 chất liệu
Vải cotton, lanh & sợi tự nhiên	14 chất liệu
Vải Chenille & nhung	6 chất liệu

Cách đọc catalogue này

- Mỗi chất liệu đều có mã tham chiếu, thành phần sợi và — khi nhà máy công bố — định lượng và khổ vải thành phẩm. Chỉ cần báo mã tham chiếu là chúng tôi biết chính xác chất liệu bạn cần.
- Màu sắc: tất cả chất liệu đều nhuộm theo đơn. Hàng mộc và mẫu cắt luôn có sẵn để làm mẫu.
- Làm mẫu: có sẵn mẫu cắt 1 m và thẻ màu cho mọi chất liệu trong catalogue này.
- Giá: báo theo từng đơn hàng. Gửi cho chúng tôi chất liệu, màu và số lượng cần — chúng tôi sẽ báo giá chắc chắn kèm thời gian làm mẫu và giao hàng.

Vải dệt kim pha len & Merino

24 chất liệu

Vải dệt kim pha len và merino cho thu/đông. Tay vải mềm, ấm, ít xù lông, có bo gân mảnh, mặt trái chải lông và mặt nỉ — dùng cho đồ mặc trong, đồ dệt kim, đầm và áo khoác nhẹ.



S55291#

Lyocell Wool Cross Rib 210

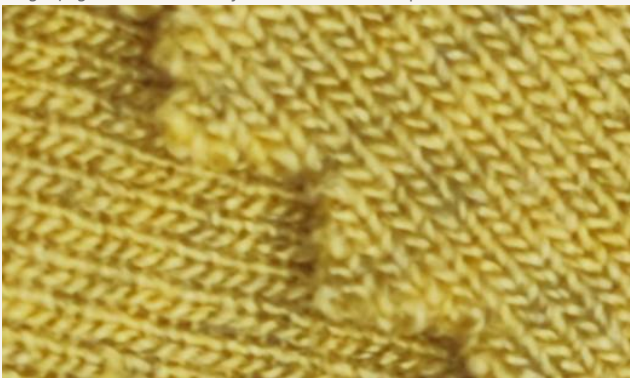
59% polyester / 28% viscose / 5% spandex / 4% lyocell / 4% wool

ĐỊNH LƯỢNG

210 g/m²

WOOL BLEND · ELASTIC RIB · NEXT-TO-SKIN

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



S5527#

Lyocell Merino Wool Jersey 200

41% viscose / 26% lyocell / 24% acrylic / 6% wool / 3% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

200 g/m²

MERINO WOOL · THERMAL COMFORT · FINE GAUGE

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



M75931#

Tiffany Brushed Wool-Look 320

90% polyester / 10% viscose

ĐỊNH LƯỢNG

320 g/m²

MÙA

A / W

COAT WEIGHT · BRUSHED FACE · WOOL LOOK

Ứng dụng: dresses, trousers, jackets, sweaters



S5529#

Lyocell Wool Cross Rib

38% viscose / 26% lyocell / 26% acrylic / 6% wool / 4% spandex

WOOL BLEND · ELASTIC RIB · NEXT-TO-SKIN

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



S6049# Lyocell Wool Souffle Fleece

69% polyester / 22% lyocell / 6% spandex / 3% wool

PLUSH FLEECE · WOOL BLEND · THERMAL WARMTH

Ứng dụng: base layers, innerwear, sleepwear



S6052# Lyocell Wool Warm-Fibre Rib

61% polyester / 28% lyocell / 7% spandex / 4% wool

THERMAL WARMTH · WOOL BLEND · FINE RIB

Ứng dụng: base layers, dresses, co-ord sets



M7255# Warm Cloud High-Pile Wool

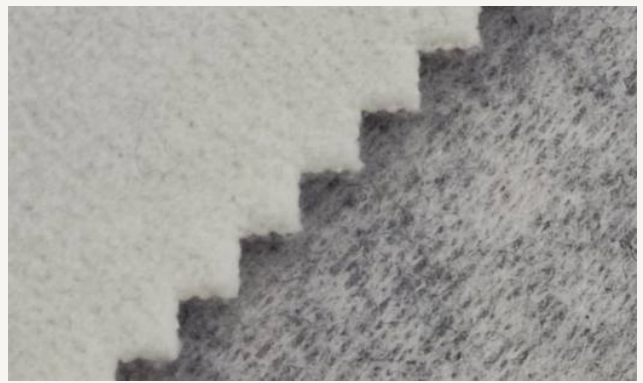
thành phần: liên hệ

KHỔ VẢI

165 CM

HIGH PILE · THERMAL WARMTH · COAT WEIGHT

Ứng dụng: knitwear, fashion apparel



M7260# Wool Rice-Grain Tweed 230

78% polyester / 16% viscose / 6% wool

ĐỊNH LƯỢNG

230 g/m²

MÙA

A / W

BONDING READY · RICE-GRAIN TEXTURE · WOOL BLEND

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



S5519# EcoVero Merino Wool 2x2 Rib

64% ecovero viscose / 25% acrylic / 7% spandex / 4% wool

MÙA

3-SEASON

MERINO WOOL · STRETCH RIB · ECO VISCOSE

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



S60431# EcoVero Wool Brushed Jersey 220

64% viscose / 25% acrylic / 7% spandex / 4% wool

ĐỊNH LƯỢNG

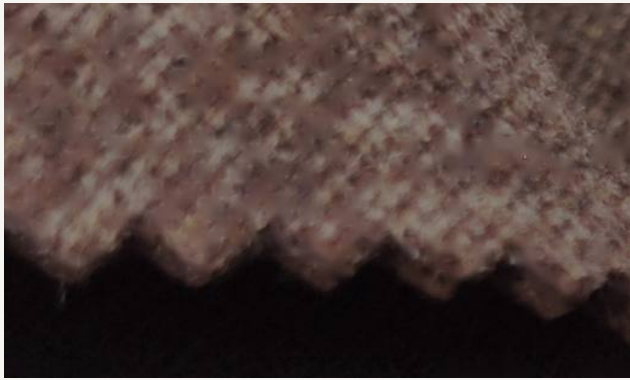
220 g/m²

MÙA

A / W

BRUSHED BACK · WOOL BLEND · SOFT STRETCH

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



M7262# Lyocell Australian Wool Honeycomb

66% polyester / 19% viscose / 11% lyocell / 2% wool / 2% acetate

ĐỊNH LƯỢNG

250 g/m²

KHỔ VẢI

155 CM

BONDING READY · HONEYCOMB · WOOL BLEND

Ứng dụng: base layers, dresses, co-ord sets



TENCEL Wool Double Rib

76% TENCEL lyocell / 17% wool / 7% spandex

MERINO WOOL · COOL TOUCH · FINE RIB

Ứng dụng: base layers, dresses, co-ord sets



M72531# Acrylic Wool Flat Coating 360

thành phần: liên hệ

ĐỊNH LƯỢNG

360 g/m²

KHỔ VẢI

160 CM

COAT WEIGHT · SMOOTH FACE · THERMAL

Ứng dụng: knitwear, fashion apparel

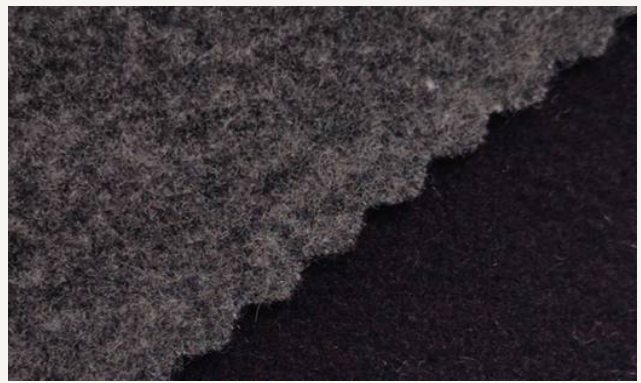


8899# Tencel Wool 1x1 Double Rib

76% TENCEL lyocell / 17% wool / 7% spandex

MERINO WOOL · COOL TOUCH · FINE RIB

Ứng dụng: base layers, dresses, co-ord sets



M7253# Tencel Wool Brushed Coating

thành phần: liên hệ

KHỔ VẢI

160 CM

BRUSHED FACE · WOOL BLEND · COAT WEIGHT

Ứng dụng: knitwear, fashion apparel



S8353# Lyocell Wool Warm Fleece 350

41% viscose / 22% lyocell / 21% acrylic / 14% spandex / 2% wool

ĐỊNH LƯỢNG

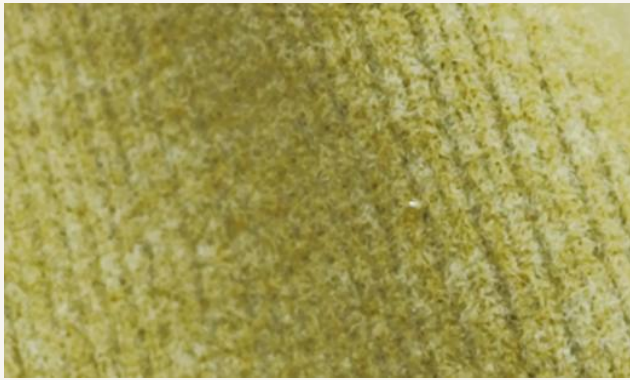
350 g/m²

MÙA

A / W

THERMAL FLEECE · WOOL BLEND · HIGH STRETCH

Ứng dụng: base layers, innerwear, loungewear, hoodies & sweats



S6048# Lyocell Wool Drawn Rib

60% polyester / 32% lyocell / 5% wool / 3% spandex

MÙA

A / W

WOOL BLEND · DRAWN RIB · NEXT-TO-SKIN

Ứng dụng: t-shirts, leggings, base layers, innerwear



M7267# Wool Acrylic Warm Wadding Knit

67% polyester / 13% acrylic / 11% nylon / 6% wool / 3% spandex

MÙA

A / W

THERMAL LOFT · WOOL BLEND · SWEATER LOOK

Ứng dụng: dresses, trousers, jackets, sweaters



S55181# EcoVero Merino Wool Rib 180

67% ecovero viscose / 26% acrylic / 4% wool / 3% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

180 g/m²

MÙA

S / S

MERINO WOOL · FINE RIB · ECO VISCOSE

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



M7267# Wool Acrylic Sweater Knit 260

67% polyester / 13% acrylic / 11% nylon / 6% wool / 3% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

260 g/m²

MÙA

A / W

BONDING READY · SWEATER LOOK · WOOL BLEND

Ứng dụng: dresses, trousers, jackets, sweaters



Tencel Merino Wool 1x1 Rib

79% TENCEL lyocell / 18% wool / 3% spandex

MERINO WOOL · COOL TOUCH · FINE RIB

Ứng dụng: base layers, dresses, co-ord sets



S6043# EcoVero Wool Stretch Jersey 220

64% ecovero viscose / 25% acrylic / 7% spandex / 4% wool

ĐỊNH LƯỢNG

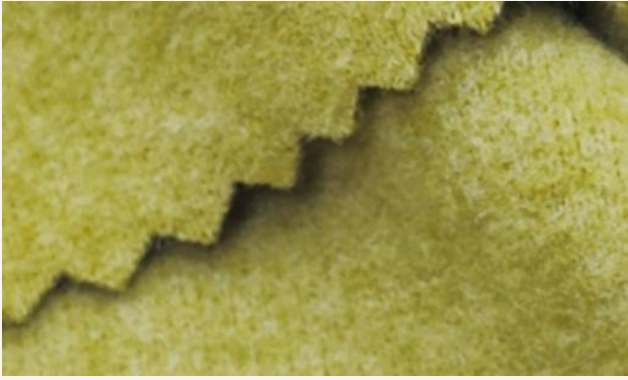
220 g/m²

MÙA

SUMMER / AUTUMN

WOOL BLEND · SOFT STRETCH · ALL SEASON

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



S6050# Lyocell Wool Canopy Fleece 260

63% polyester / 30% lyocell / 4% wool / 3% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

260 g/m²

MÙA

A / W

PLUSH FLEECE · WOOL BLEND · THERMAL

Ứng dụng: base layers, innerwear, sleepwear, loungewear



M7250# Acrylic Wool Brushed Knit 210

65.3% polyester / 15.4% viscose / 8.9% nylon / 6.2% acrylic / 4.2% wool

ĐỊNH LƯỢNG

210 g/m²

MÙA

A / W

BRUSHED FACE · WOOL BLEND · THERMAL

Ứng dụng: loungewear, dresses, wide-leg trousers, trousers

Vải dệt kim pha Acetate & Cashmere

46 chất liệu

Dòng chủ lực thu/đông của nhà máy: vải pha acetate và cashmere với cấu trúc chéo, tổ ong, xương cá và sọc gân. Độ rủ mềm, tay vải khô, sẵn sàng ép lớp cho áo khoác, quần ống rộng và đồ dệt kim cao cấp.



M7271# Lyocell Acetate Wool Mist Pearl
64.5% polyester / 26% viscose / 3% wool / 2.5% acrylic / 2% lyocell / 2% others

ĐỊNH LƯỢNG **250 g/m²** MÙA **A / W**
BONDING READY · SOFT DRAPE · AUTUMN / WINTER
Ứng dụng: dresses, trousers, jackets, sweaters



M7502# Cashmere-Touch 2x2 Double Brushed
48% viscose / 25% polyester / 22% nylon / 5% spandex

MÙA **3-SEASON**
DOUBLE BRUSHED · CASHMERE FEEL · STRETCH RIB
Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7508# 1x1 Metallic Cashmere-Touch Rib
38% viscose / 35% polyester / 15% nylon / 6% spandex / 6% metallic yarn

MÙA **A / W**
METALLIC SHIMMER · STRETCH RIB · SOFT HAND
Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M72172# Acetate Wool Honeycomb 250
72% polyester / 20% viscose / 4% acetate / 4% wool

ĐỊNH LƯỢNG **250 g/m²** MÙA **A / W**
BONDING READY · HONEYCOMB TEXTURE · WOOL BLEND
Ứng dụng: dresses, trousers, jackets, sweaters



M7201# Acetate Cashmere Fine Cord

72% polyester / 20% viscose / 4% wool / 4% acetate

MÙA

A / W

FINE CORD · SOFT DRAPE · WOOL BLEND

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7256# Acetate Cashmere Boucle Tweed

thành phần: liên hệ

KHỔ VẢI

165 CM

TWEED LOOK · TEXTURED FACE · COAT WEIGHT

Ứng dụng: knitwear, fashion apparel



M7258# Acrylic Cashmere Twill 370

thành phần: liên hệ

ĐỊNH LƯỢNG

370 g/m²

COAT WEIGHT · TWILL TEXTURE · THERMAL

Ứng dụng: knitwear, fashion apparel

KHỔ VẢI

160 CM



M72171F# Double-Face Acetate Cashmere Honeycomb

thành phần: liên hệ

KHỔ VẢI

165 CM

DOUBLE FACE · HONEYCOMB · COAT WEIGHT

Ứng dụng: knitwear, fashion apparel



M7257# Acetate Cashmere Lyocell Brushed T

thành phần: liên hệ

ĐỊNH LƯỢNG

250 g/m²

BONDING READY · BRUSHED TWILL · SOFT DRAPE

Ứng dụng: knitwear, fashion apparel

KHỔ VẢI

165 CM



M7207# Acetate Cashmere Slub Twill

72% polyester / 20% viscose / 4% wool / 4% acetate

MÙA

A / W

SLUB TEXTURE · SOFT DRAPE · WOOL BLEND

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7205# Acetate Cashmere Millet Grain

72% polyester / 20% viscose / 4% cashmere / 4% acetate

MÙA

A / W

FINE GRAIN · SOFT DRAPE · WOOL BLEND

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



S8332# Acetate Wool Air-Layer 420

63% polyester / 25% viscose / 8% spandex / 2% acetate / 2% wool

ĐỊNH LƯỢNG

420 g/m²

MÙA

A / W

DOUBLE KNIT · WOOL BLEND · THERMAL LOFT

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, trousers



M7233# Acetate Cashmere Shadow Stripe

72% polyester / 20% viscose / 4% acetate / 4% wool

MÙA

3-SEASON

SHADOW STRIPE · SOFT DRAPE · WOOL BLEND

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers



M7213C# Silk Cashmere Plain Knit

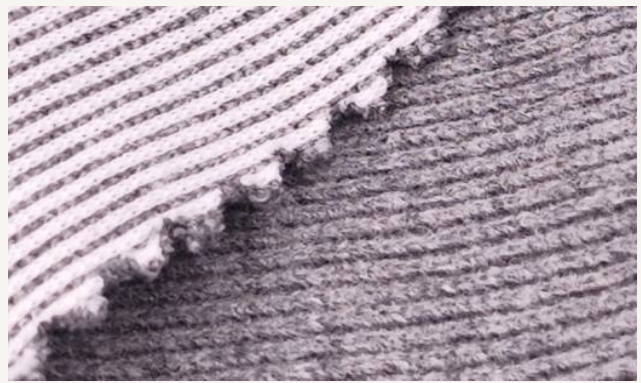
77% polyester / 15% viscose / 4% wool / 4% acetate

MÙA

A / W

SILK BLEND · SMOOTH FACE · SOFT DRAPE

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7211C# Silk Cashmere Fine Cord

73% polyester / 18% viscose / 4% mulberry silk / 4% wool / 1% spandex

MÙA

A / W

SILK BLEND · FINE CORD · SOFT DRAPE

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7228# Silk Cashmere Colour Stripe

86% polyester / 8% spandex / 2% viscose / 2% wool / 2% mulberry silk

MÙA

A / W

YARN-DYED STRIPE · SILK BLEND · STRETCH

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers



8817# TENCEL Acetate 2x2 Rib 210

73% TENCEL lyocell / 21% acetate / 6% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

210 g/m²

LUSTROUS ACETATE · STRETCH RIB · PREMIUM HAND

Ứng dụng: base layers, dresses, co-ord sets



Tencel Acetate Silk Stripe Rib 170

70.5% TENCEL lyocell / 18% acetate / 7.5% spandex / 4% mulberry silk

ĐỊNH LƯỢNG

170 g/m²

MULBERRY SILK · STRIPE RIB · PREMIUM HAND

Ứng dụng: base layers, dresses, co-ord sets



M72311# Lyocell Cashmere Wide Twill

thành phần: liên hệ

KHỔ VẢI

165 CM

CASHMERE BLEND · WIDE TWILL · COAT WEIGHT

Ứng dụng: knitwear, fashion apparel



8812# TENCEL Acetate 1x1 Rib 170

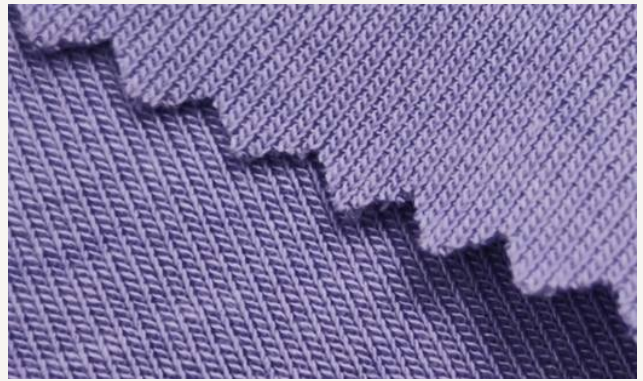
75% TENCEL lyocell / 18% acetate / 7% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

170 g/m²

LUSTROUS ACETATE · FINE RIB · FLUID DRAPE

Ứng dụng: base layers, dresses, co-ord sets



8811# TENCEL Acetate Stretch Rib

72% TENCEL lyocell / 21% acetate / 7% spandex

LUSTROUS ACETATE · STRETCH RIB · PREMIUM HAND

Ứng dụng: base layers, dresses, co-ord sets



S55201# EcoVero Cashmere-Touch Brushed R

64% ecovero viscose / 25% acrylic / 7% spandex / 4% wool

ĐỊNH LƯỢNG

260 g/m²

MÙA

A / W

BRUSHED BACK · STRETCH RIB · WARM TOUCH

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



S6042# Lyocell Anti-Bacterial Cashmere-Touch

41% viscose / 25% lyocell / 23% acrylic / 6% spandex / 5% wool

MÙA

A / W

ANTI-BACTERIAL · WOOL BLEND · THERMAL

Ứng dụng: t-shirts, leggings, base layers, innerwear



M7268# Acetate Wool Dusk Twill 280

59% polyester / 33% viscose / 5% wool / 3% acetate

ĐỊNH LƯỢNG

280 g/m²

MÙA

A / W

BONDING READY · TWILL TEXTURE · WOOL BLEND

Ứng dụng: dresses, trousers, jackets, sweaters



M75052A# Premium Cashmere-Touch Knit

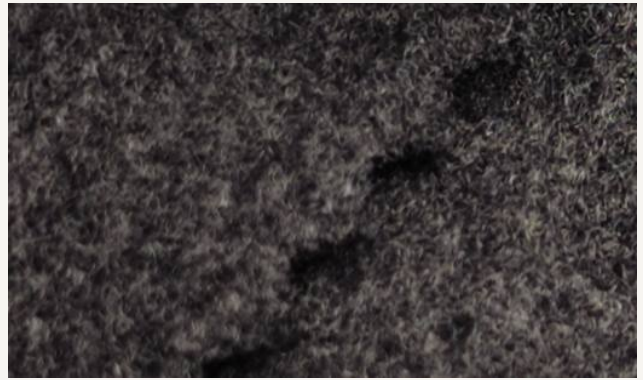
37.5% viscose / 28.5% acrylic / 28.5% cotton / 5.5% spandex

MÙA

A / W

CASHMERE FEEL · SOFT STRETCH · THERMAL

Ứng dụng: polo shirts, t-shirts, leggings, base layers



M9513# EcoVero Double-Face Cashmere-Touch

64% ecovero viscose / 25% acrylic / 7% spandex / 4% wool

ĐỊNH LƯỢNG

280 g/m²

MÙA

A / W

DOUBLE FACE · ECO VISCOSE · SOFT WARMTH

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



M7203# Acetate Cashmere Seagrass Cord

thành phần: liên hệ

MÙA

A / W

ORGANIC CORD · SOFT DRAPE · WOOL BLEND

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7232# Acetate Cashmere Mini Herringbone

72% polyester / 20% viscose / 4% acetate / 4% wool

MÙA

A / W

HERRINGBONE · SOFT DRAPE · WOOL BLEND

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers



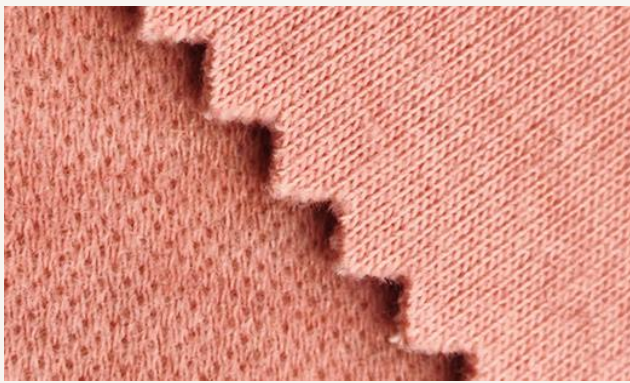
M7223# Colour-Stripe Cashmere Silk Knit

thành phần: liên hệ

MÙA
S / S

YARN-DYED STRIPE · SILK BLEND · SOFT DRAPE

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers



M7252# Cashmere Lyocell Honeycomb

77.3% polyester / 13.6% viscose / 5.7% lyocell / 3.4% cashmere

MÙA
A / W

REAL CASHMERE · HONEYCOMB · COAT WEIGHT

Ứng dụng: loungewear, dresses, wide-leg trousers, trousers



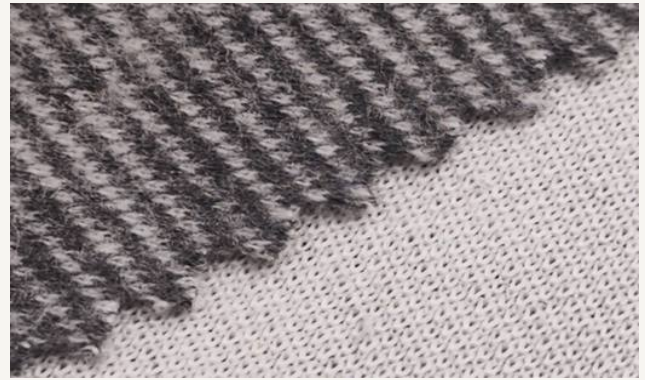
M7206# Acetate Cashmere Herringbone

72% polyester / 20% viscose / 4% wool / 4% acetate

MÙA
A / W

HERRINGBONE · SOFT DRAPE · WOOL BLEND

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M75403# Cashmere-Touch Twill

78% polyester / 17% viscose / 5% spandex

KHỔ VẢI
185 CM

TWILL TEXTURE · SOFT HAND · STRETCH

Ứng dụng: dresses, upholstery, cushions, fashion apparel



M7208# Acetate Cashmere Slub Step Twill

72% polyester / 20% viscose / 4% wool / 4% acetate

MÙA
A / W

STEP TWILL · SLUB TEXTURE · SOFT DRAPE

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7212C# Silk Cashmere Twill

73% polyester / 18% viscose / 4% mulberry silk / 4% wool / 1% spandex

MÙA
A / W

SILK BLEND · TWILL TEXTURE · SOFT DRAPE

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7200# Acetate Cashmere Twill

72% polyester / 20% viscose / 4% wool / 4% acetate

MÙA

A / W

TWILL TEXTURE · SOFT DRAPE · WOOL BLEND

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7219# Acetate Cashmere Step Twill

72% polyester / 20% viscose / 4% wool / 4% acetate

MÙA

A / W

STEP TWILL · SOFT DRAPE · WOOL BLEND

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7527# Cashmere-Touch Medium Cord 320

50% viscose / 22% nylon / 20% polyester / 8% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

320 g/m²

MEDIUM CORD · HEAVY HAND · STRETCH

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear

MÙA

A / W



M7217# Acetate Cashmere Honeycomb

72% polyester / 20% viscose / 4% wool / 4% acetate

MÙA

A / W

HONEYCOMB · SOFT DRAPE · WOOL BLEND

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7531# Cashmere-Touch Ripple Knit

46% viscose / 28% nylon / 22% polyester / 4% spandex

MÙA

A / W

RIPPLE TEXTURE · SOFT HAND · STRETCH

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7532# Cashmere-Touch Terry Knit

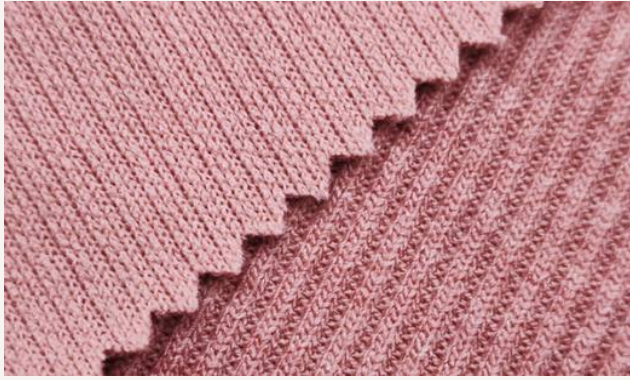
46% viscose / 28% nylon / 22% polyester / 4% spandex

MÙA

A / W

TERRY LOOP · SOFT HAND · WARM FEEL

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7500# **Cashmere-Touch Wide Cord**

48% viscose / 25% polyester / 22% nylon / 5% spandex

MÙA

A / W

WIDE CORD · SOFT HAND · STRETCH

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7239# **Acetate Cashmere Diamond Cord**

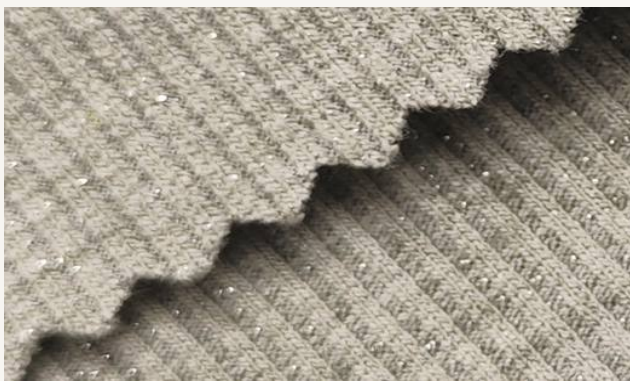
72% polyester / 20% viscose / 4% acetate / 4% wool

MÙA

A / W

DIAMOND TEXTURE · SOFT DRAPE · WOOL BLEND

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers



M75653# **2x2 Metallic Cashmere-Touch Rib**

39% polyester / 34% viscose / 14% nylon / 7% metallic yarn / 6% spandex

MÙA

A / W

METALLIC SHIMMER · STRETCH RIB · SOFT HAND

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers



M7231# **Acetate Cashmere Wide Twill**

72% polyester / 20% viscose / 4% acetate / 4% wool

MÙA

A / W

WIDE TWILL · SOFT DRAPE · WOOL BLEND

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers



M7238# **Acetate Cashmere Starry Dot**

72% polyester / 20% viscose / 4% acetate / 4% wool

MÙA

A / W

DOT TEXTURE · SOFT DRAPE · WOOL BLEND

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers



M7229# **Silk Cashmere Fine Colour Stripe**

86% polyester / 8% spandex / 2% viscose / 2% wool / 2% mulberry silk

MÙA

A / W

YARN-DYED STRIPE · SILK BLEND · STRETCH

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers

Vải dệt kim Lyocell & TENCEL

14 chất liệu

Vải dệt kim Lyocell, TENCEL™ và EcoVero™. Mát tay, thoáng khí và mềm rũ, từ voan 100 g/m² đến bo gân chải lông 260 g/m² — cho áo thun, đồ mặc trong, đầm và đồ mặc nhà.



Lyocell Snow Cotton 165

36% lyocell / 33% polyester / 31% cotton

ĐỊNH LƯỢNG

165 g/m²

LIGHTWEIGHT · BREATHABLE · SOFT TOUCH

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



S60451#

Lyocell Ice-Silk Stretch Jersey 200

93% lyocell / 7% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

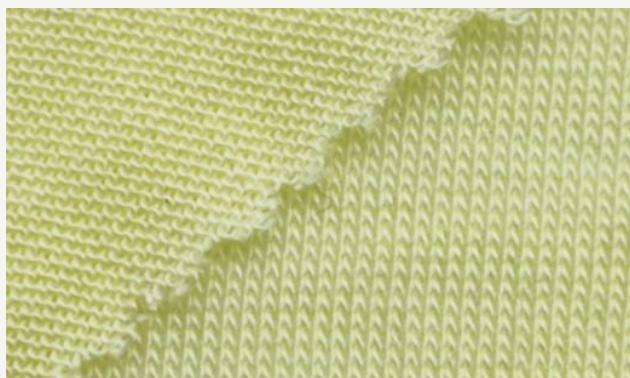
200 g/m²

MÙA

S / S

COOL TOUCH · 4-WAY STRETCH · SILKY FEEL

Ứng dụng: polo shirts, t-shirts, leggings, base layers



S6062#

100% Lyocell Voile 100

100% lyocell

ĐỊNH LƯỢNG

100 g/m²

PURE LYOCCELL · AIRY LIGHT · FLUID DRAPE

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



S55161#

Lyocell 1x1 Brushed Rib 260

91% lyocell / 9% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

260 g/m²

BRUSHED BACK · STRETCH RIB · WARM TOUCH

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



5522# Lyocell 3x3 Rib 260

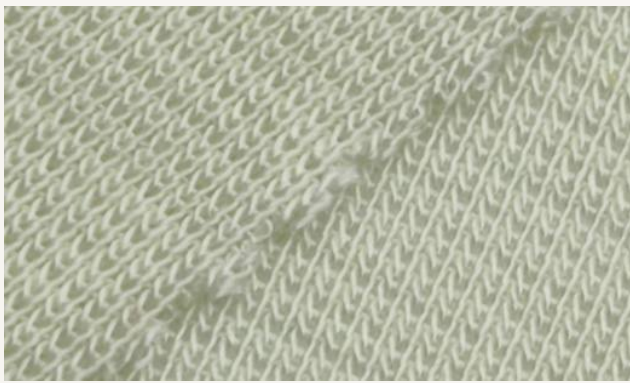
90% lyocell / 10% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

260 g/m²

CHUNKY RIB · HIGH STRETCH · SOFT HAND

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



S55151 Tencel Lyocell Cross Rib 170

96% lyocell / 4% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

170 g/m²

COOL TOUCH · BREATHABLE · FINE RIB

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



S6041# Tencel Lyocell Thermal Single Jersey

62.5% thermal polyester / 30.5% TENCEL lyocell / 7% spandex

MÙA

S / S

HEAT GENERATING · NEXT-TO-SKIN · BREATHABLE

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers



S6045# Lyocell Ice-Silk Stretch Jersey 170

94% lyocell / 6% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

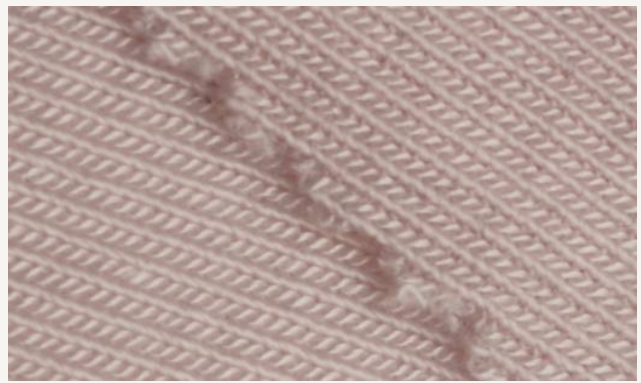
170 g/m²

MÙA

S / S

COOL TOUCH · LIGHT STRETCH · SILKY FEEL

Ứng dụng: polo shirts, t-shirts, leggings, base layers



S55131# Lyocell 1x1 Rib 220

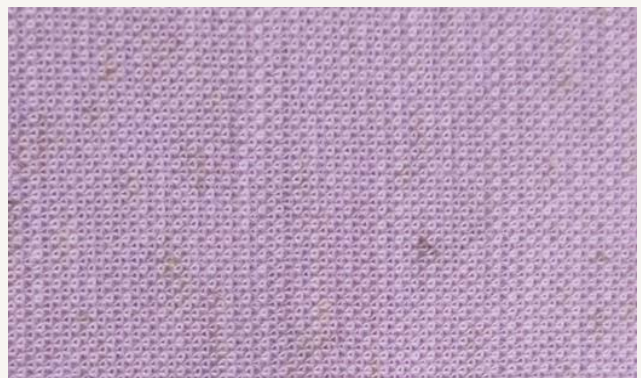
91% lyocell / 9% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

220 g/m²

STRETCH RIB · SOFT HAND · ALL SEASON

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



S3500# Tencel Linen Cotton Jersey 180

linen / cotton

ĐỊNH LƯỢNG

180 g/m²

KHỔ VẢI

163 CM

LINEN BLEND · BREATHABLE · NATURAL HAND

Ứng dụng: dresses, trousers, bags, cushions



S55212#

Lyocell 2x2 Rib 220

91% lyocell / 9% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

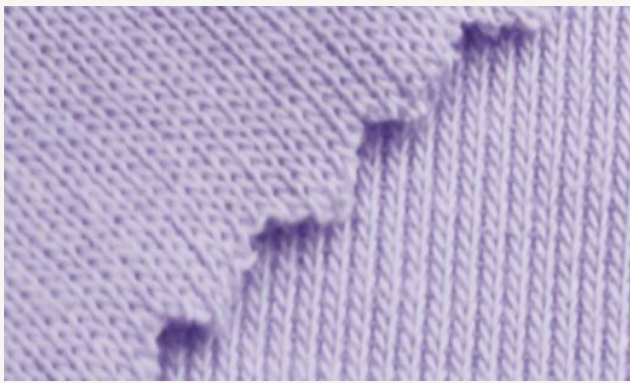
220 g/m²

MÙA

A / W

STRETCH RIB · SOFT HAND · ALL SEASON

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



S5523#

Light Tencel Soft Jersey 170

96% lyocell / 4% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

170 g/m²

MÙA

ALL SEASON

AIRY LIGHT · FLUID DRAPE · COOL TOUCH

Ứng dụng: t-shirts, base layers, innerwear, sleepwear



S6000#

40s Silky Tencel Cotton 180

100% tencel cotton

ĐỊNH LƯỢNG

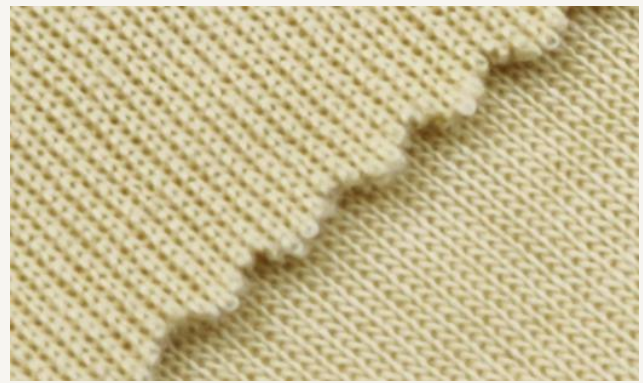
180 g/m²

MÙA

S / S

SILKY SMOOTH · BREATHABLE · COOL TOUCH

Ứng dụng: polo shirts, t-shirts, leggings, base layers



S6019#

Lyocell Cotton Sand-Washed Crepe

33.2% cupro-like / 23.3% nylon / 21.9% TENCEL lyocell / 21.6% combed cotton

MÙA

S / S

SAND WASHED · CREPE TEXTURE · SOFT DRAPE

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers

Vải Air-Layer & Scuba dệt kim đôi

23 chất liệu

Cấu trúc dệt kim đôi air-layer và scuba, đứng phom và hồi phục tốt. Mặt vải mịn, mép cắt gọn, tay vải ổn định — cho áo hoodie, đồ bộ, đồng phục học sinh và đầm đứng phom.



S8357# Dralon Air-Layer Scuba

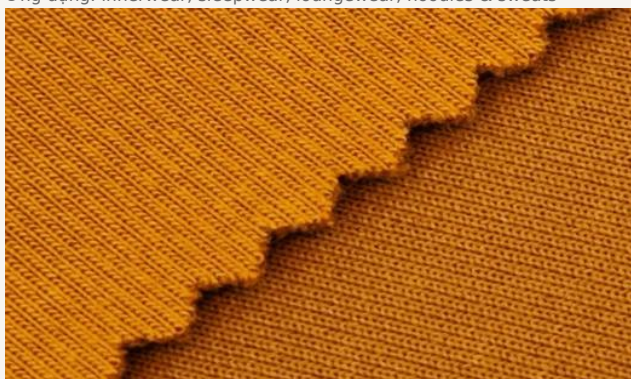
48.9% polyester / 17.1% viscose / 13.8% acrylic / 13.6% cotton / 6.6% spandex

MÙA

A / W

THERMAL WARMTH · BRUSHED INSIDE · SOFT LOFT

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, hoodies & sweats



S8356# Modal Cotton Cube Air-Layer

48% polyester / 22% modal / 22% cotton / 8% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

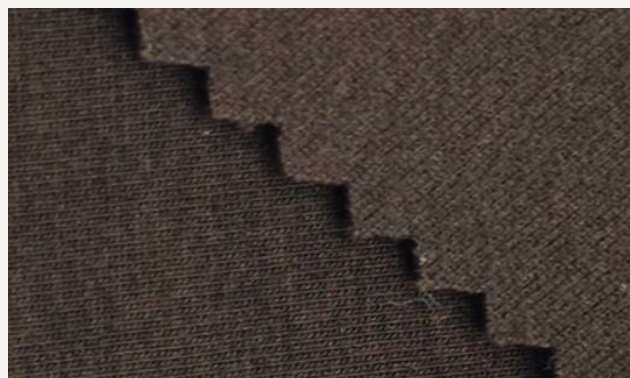
280-380 g/m²

CUBE TEXTURE · DOUBLE KNIT · SOFT STRETCH

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, hoodies & sweats

MÙA

A / W



S83029# Cloud Modal Cotton Air-Layer

51% polyester / 22% modal / 21% cotton / 6% spandex

MÙA

A / W

MODAL BLEND · DOUBLE KNIT · SOFT LOFT

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, hoodies & sweats



S85101# Poly-Spandex Scuba Interlock

95% polyester / 5% spandex

MÙA

A / W

SMOOTH FACE · HIGH RECOVERY · EASY CARE

Ứng dụng: loungewear, hoodies & sweats, trousers, jackets



S3503# Cloud-Gap Linen Air-Layer 280

linen / cotton

ĐỊNH LƯỢNG
280 g/m²

KHỔ VẢI
48/50 INCH

LINEN BLEND · DOUBLE KNIT · BREATHABLE

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, dresses, trousers



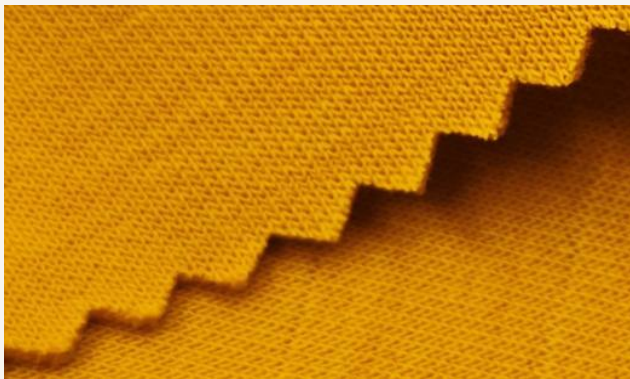
S83252# Modal Cloud Air-Layer

51.5% polyester / 40% modal / 8.5% spandex

MÙA
A / W

MODAL BLEND · DOUBLE KNIT · CLOUD SOFT

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, hoodies & sweats



S8309# Cotton Air-Layer 280

65% cotton / 30% polyester / 5% spandex

ĐỊNH LƯỢNG
280 g/m²

MÙA
S / S

COTTON RICH · DOUBLE KNIT · BREATHABLE

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, jackets



S8355# Lyocell Rabbit-Hair Air-Layer

25% acrylic / 23% cotton / 18% lyocell / 15% viscose / 11% cationic / 8% others

MÙA
A / W

RABBIT HAIR · THERMAL LOFT · SOFT TOUCH

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, hoodies & sweats



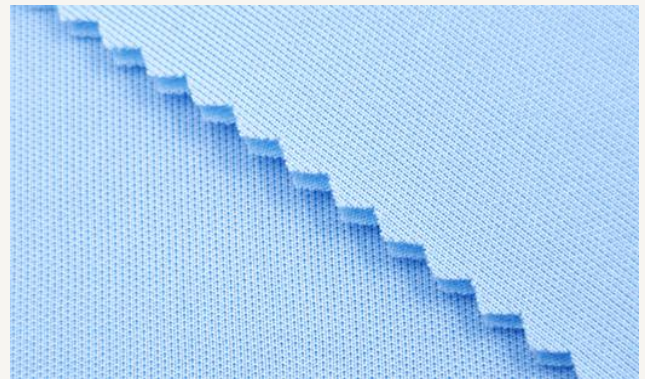
S83011# Roman Holiday Air-Layer

61% polyester / 25% viscose / 9% spandex

MÙA
A / W

VISCOSE BLEND · DOUBLE KNIT · SOFT STRETCH

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, trousers



S8312# Space-Layer Heavy Scuba 320

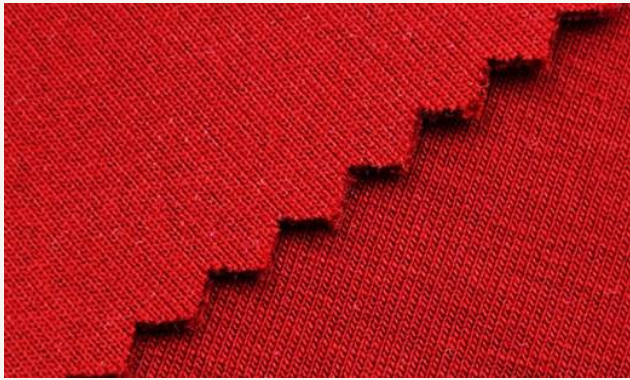
95% polyester / 5% spandex

ĐỊNH LƯỢNG
320 g/m²

MÙA
A / W

HEAVY WEIGHT · STRUCTURED · STRETCH

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, jackets



S83021#

Cotton Modal Air-Layer

50% cotton modal / 43% polyester / 7% spandex

MÙA

A / W

ANTI-BACTERIAL · MODAL BLEND · SOFT LOFT

Ứng dụng: t-shirts, innerwear, sleepwear, loungewear



S8335#

Cupro Sand-Washed Air-Layer

48% viscose / 48% polyester / 4% spandex

MÙA

A / W

SAND WASHED · SOFT DRAPE · DOUBLE KNIT

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, hoodies & sweats



S83039#

Modal Air-Layer Knit

41% polyester / 28% modal / 24% cotton / 7% spandex

MÙA

ALL SEASON

MODAL BLEND · DOUBLE KNIT · SOFT DRAPE

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, trousers



S830816#

Viscose Air-Layer 260

48% viscose / 46% polyester / 6% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

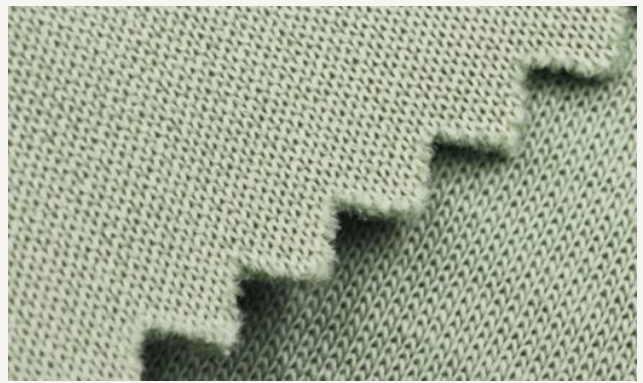
260 g/m²

MÙA

A / W

VISCOSE BLEND · DOUBLE KNIT · SOFT DRAPE

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, hoodies & sweats



83206#

Liquid-Ammonia Cotton Air-Layer

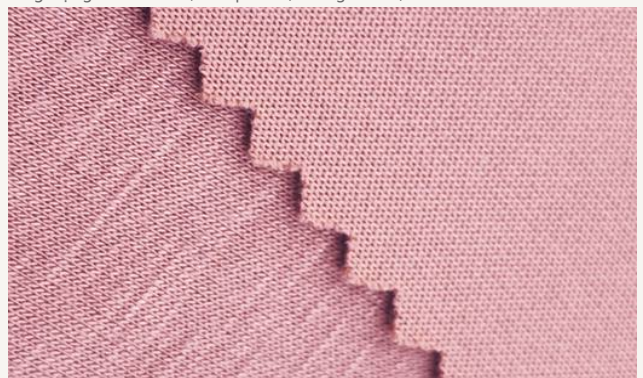
33.2% cupro-like / 23.3% nylon / 21.9% TENCEL lyocell / 21.6% combed cotton

MÙA

A / W

LIQUID AMMONIA · SMOOTH HAND · ANTI-PILLING

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, trousers



S83085#

Viscose TR Double-Face Interlock

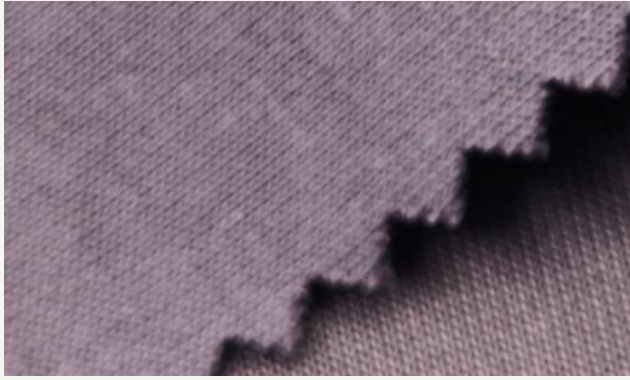
50% viscose / 45% polyester / 5% spandex

MÙA

A / W

DOUBLE FACE · HIGH RECOVERY · SOFT DRAPE

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, trousers



S8310# Liquid-Ammonia Double-Face Air-Layer

50% polyester / 44% cotton / 6% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

220 g/m²

MÙA

ALL SEASON

ANTI-PILLING · DOUBLE FACE · COTTON RICH

Ứng dụng: t-shirts, innerwear, sleepwear, loungewear



S8323# Combed Cotton Air-Layer Rib

55% combed cotton / 40% polyester / 5% spandex

MÙA

A / W

COMBED COTTON · DOUBLE KNIT · SOFT STRETCH

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, trousers



S83152# Pique Air-Layer Knit

64% cotton / 36% polyester

MÙA

A / W

PIQUE TEXTURE · ANTI-PILLING · COTTON RICH

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, hoodies & sweats



S83213# Poly-Spandex Air-Layer Interlock

96% polyester / 4% spandex

MÙA

ALL SEASON

BREATHABLE · HIGH RECOVERY · EASY CARE

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, hoodies & sweats



S8328# Poly-Spandex Double-Face Scuba

95% polyester / 5% spandex

MÙA

A / W

DOUBLE FACE · HIGH RECOVERY · STRUCTURED

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, hoodies & sweats



S83127# Space-Layer Nylon Stretch Knit

92% polyester / 8% spandex

MÙA

A / W

HIGH STRETCH · STRUCTURED · MULTI-USE

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, hoodies & sweats



S85102#

Ultra-Soft Stretch Interlock 190

95% polyester / 5% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

190 g/m²

MÙA

AUTUMN

4-WAY STRETCH · SOFT HAND · ACTIVE READY

Ứng dụng: t-shirts, trousers, school uniforms, yoga wear

Vải sọc gân, chéo & co giãn

21 chất liệu

Vải sọc gân, chéo và bề mặt tạo hiệu ứng, co giãn 4 chiều. Mặt nylon và poly-spandex, cảm giác da lộn và hiệu ứng melange — cho quần leggings, đồ thể thao, đồ mặc thường ngày và áo thời trang.



M75921# Sky Twill Double-Face 420

83% polyester / 12% viscose / 5% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

420 g/m²

MÙA

A / W

COAT WEIGHT · WOOL LOOK · DOUBLE FACE

Ứng dụng: dresses, trousers, jackets, sweaters



M7517# NTR Ant Cord Stretch Knit

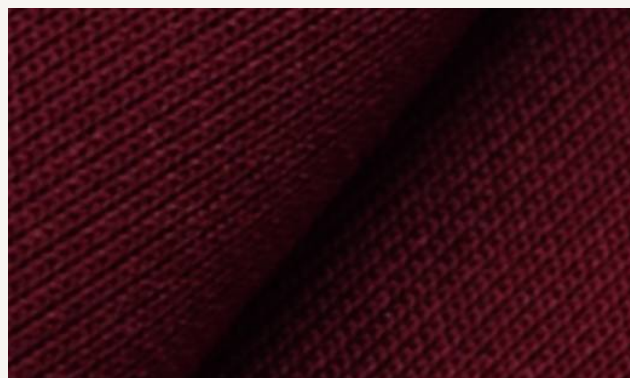
71% polyester / 17% viscose / 7% nylon / 5% spandex

MÙA

A / W

FINE CORD · 4-WAY STRETCH · SOFT HAND

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



S8510# Poly-Spandex Stretch Jersey 240

95% polyester / 5% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

240 g/m²

MÙA

AUTUMN

4-WAY STRETCH · SMOOTH FACE · ACTIVE READY

Ứng dụng: t-shirts, loungewear, hoodies & sweats, trousers



S8513# Matte Nylon Stretch Jersey

82% nylon / 18% spandex

MÙA

S / S

MATTE FINISH · HIGH STRETCH · COOL TOUCH

Ứng dụng: leggings, base layers, innerwear, trousers



S5010# **Huadi Cord Stretch Knit**

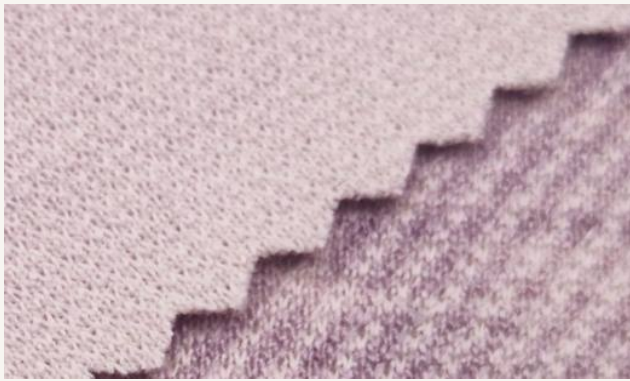
88% polyester / 12% spandex

MÙA

S / S

VERTICAL CORD · 4-WAY STRETCH · QUICK DRY

Ứng dụng: polo shirts, t-shirts, loungewear, hoodies & sweats



M7521# **NTR Diamond Twill**

50% viscose / 22% nylon / 20% polyester / 8% spandex

MÙA

3-SEASON

DIAMOND TEXTURE · 4-WAY STRETCH · SOFT HAND

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7519# **NTR Nano Cord**

50% viscose / 22% nylon / 20% polyester / 8% spandex

MÙA

A / W

MICRO CORD · 4-WAY STRETCH · SOFT HAND

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



S5011# **Soft Snow Twill 260**

97% polyester / 3% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

260 g/m²

MÙA

AUTUMN

JACQUARD TWILL · SWEATER LOOK · SOFT STRETCH

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers



M75292# **NTR Heavy Duo Cord**

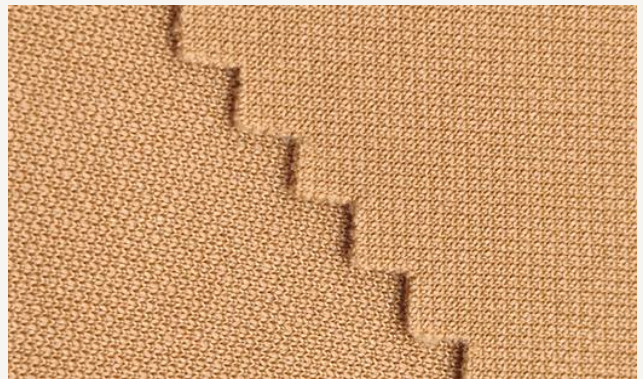
63.4% polyester / 25% viscose / 10% nylon / 1.6% spandex

MÙA

A / W

HEAVY CORD · STRETCH · WARM HAND

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



S8515# **High-Twist Textured Knit**

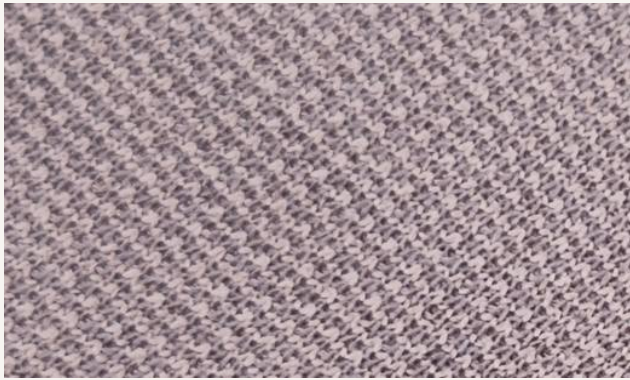
92% polyester / 8% spandex

MÙA

A / W

HIGH-TWIST YARN · TEXTURED FACE · STRETCH

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers



M7516# NTR Antelope Suede-Touch Knit

49.8% polyester / 32% viscose / 12.7% nylon / 5.5% spandex

MÙA

A / W

SUEDE HAND · 4-WAY STRETCH · WARM FEEL

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7518# NTR Double-Face Snow Cord

50% viscose / 22% nylon / 20% polyester / 8% spandex

MÙA

A / W

DOUBLE FACE · SNOW MELANGE · STRETCH

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7520# NTR Glaze Cord 300

50% viscose / 22% nylon / 20% polyester / 8% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

300 g/m²

MÙA

A / W

LUSTROUS CORD · STRETCH · SOFT HAND

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7513# Twist Cord Stretch Knit

59.5% polyester / 27.5% viscose / 11% nylon / 2% spandex

MÙA

A / W

TWIST CORD · STRETCH · SOFT HAND

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



M7525# NTR Snake-Bone Texture Knit

50% viscose / 22% nylon / 20% polyester / 8% spandex

MÙA

A / W

BOLD TEXTURE · 4-WAY STRETCH · SOFT HAND

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



S6013# Two-Tone Double-Face Jersey

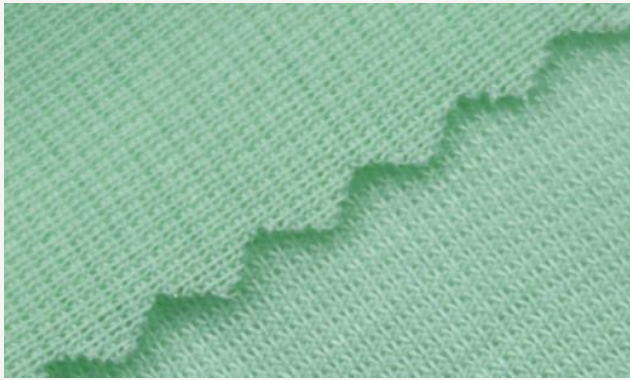
54.3% cotton / 31.8% polyester / 13.9% spandex

MÙA

S / S

TWO TONE · DOUBLE FACE · HIGH STRETCH

Ứng dụng: t-shirts, trousers, kidswear, menswear



S9003# 1x1 Silk-Touch Rib

53% viscose / 47% polyester

KHỔ VẢI

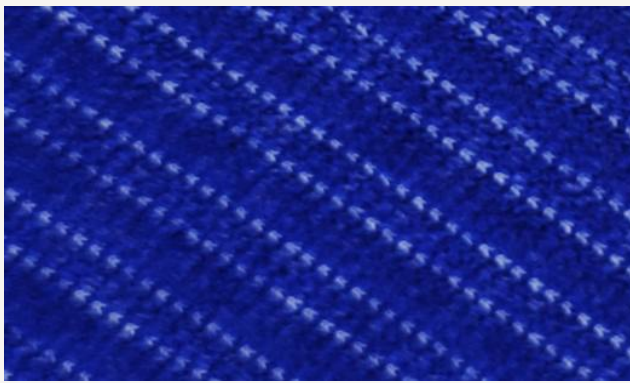
160 CM

MÙA

S / S

SILKY HAND · FINE RIB · BREATHABLE

Ứng dụng: dresses, activewear, shirts, camisoles



M75591# NTR Wide Duo Cord 380

64.5% polyester / 24% viscose / 9.5% nylon / 2% spandex

ĐỊNH LƯỢNG

380 g/m²

MÙA

WINTER

HEAVY CORD · WARM HAND · STRETCH

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers



M7543# NTR Hidden Twill

71% polyester / 17% viscose / 7% nylon / 5% spandex

KHỔ VẢI

165 CM

SUBTLE TWILL · 4-WAY STRETCH · SOFT HAND

Ứng dụng: dresses, upholstery, cushions, fashion apparel



S9000# Nano UV-Protection Knit

100% performance polyester

KHỔ VẢI

155 CM

MÙA

S / S

UV PROTECTION · FEATHER LIGHT · QUICK DRY

Ứng dụng: activewear



M7533# Snow Melange Cord Knit

95% polyester / 5% spandex

MÙA

A / W

SNOW MELANGE · FINE CORD · STRETCH

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers

Vải cotton, lanh & sợi tự nhiên

14 chất liệu

Vải dệt kim cotton chải kỹ, lanh và pha sợi tự nhiên. Thoáng khí, khô ráo, thân thiện với da, có mặt vải slub, cá sấu và trơn — cho áo thun, áo sơ mi, đầm hè và đồ mặc nhà.



S3506# Linen Cotton Textured Knit 290

linen / cotton

ĐỊNH LƯỢNG

290 g/m²

KHỔ VẢI

48/50 INCH

LINEN BLEND · NATURAL SLUB · BREATHABLE

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, dresses, trousers



S85111# 40s Double-Yarn Pique

thành phần: liên hệ

MÙA

SUMMER / AUTUMN

PIQUE TEXTURE · BREATHABLE · POLO READY

Ứng dụng: menswear, bags, home textiles, casualwear



S6012# Premium Cool Cotton Jersey

100% cotton

MÙA

S / S

100% COTTON · COMBED YARN · COOL HANDLE

Ứng dụng: polo shirts, t-shirts, leggings, base layers



S3505# Starline Linen Cotton Knit 240

linen / cotton

ĐỊNH LƯỢNG

240 g/m²

KHỔ VẢI

48/50 INCH

LINEN BLEND · NATURAL TEXTURE · BREATHABLE

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, dresses, trousers



S8502# Ice-Silk Linen-Look Knit

48% polyester / 47.7% linen-look yarn / 4.3% spandex

MÙA

S / S

COOL TOUCH · LINEN LOOK · HIGH STRETCH

Ứng dụng: t-shirts, leggings, base layers, loungewear



S8336# Modal Combed Cotton Everest Jersey

49.5% viscose / 20.5% modal / 19% combed cotton / 6% cotton-like poly / 5% spandex

MÙA

A / W

MODAL BLEND · COMBED COTTON · SOFT STRETCH

Ứng dụng: innerwear, sleepwear, loungewear, hoodies & sweats



S6005#A 21s Super Cool Cotton

100% cotton

MÙA

S / S

100% COTTON · HEAVY JERSEY · COOL HANDLE

Ứng dụng: t-shirts, hoodies & sweats, trousers, kidswear



S5505# Cotton-Feel 1x1 Stretch Rib

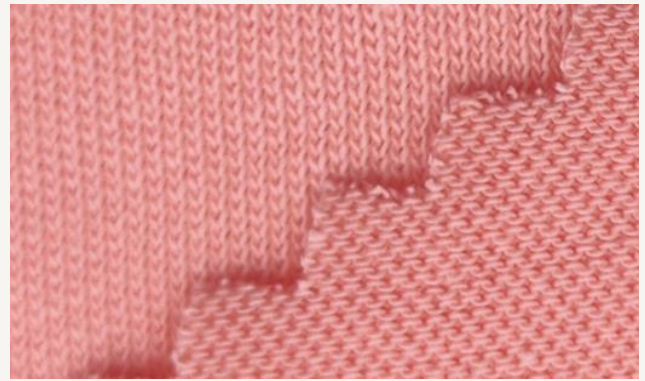
90.5% cotton-like poly / 9.5% spandex

MÙA

3-SEASON

COTTON HANDLE · STRETCH RIB · EASY CARE

Ứng dụng: loungewear, dresses, wide-leg trousers, trousers



S6006# Trend Twill Cotton 160

100% cotton

ĐỊNH LƯỢNG

160 g/m²

MÙA

S / S

100% COTTON · TWILL FACE · BREATHABLE

Ứng dụng: t-shirts, leggings, base layers, innerwear



S6010# Premium Sport Cotton Poly Jersey

73% cotton / 27% polyester

MÙA

S / S

SPORT READY · COTTON RICH · QUICK DRY

Ứng dụng: polo shirts, t-shirts, leggings, base layers



S6001#A

Ultra-Light Cool Cotton 180

61% cotton / 39% polyester

ĐỊNH LƯỢNG

180 g/m²

MÙA

S / S

FEATHER LIGHT · COTTON RICH · BREATHABLE

Ứng dụng: polo shirts, t-shirts, leggings, base layers



S5008#

Linen Plain Knit 180

linen / viscose

ĐỊNH LƯỢNG

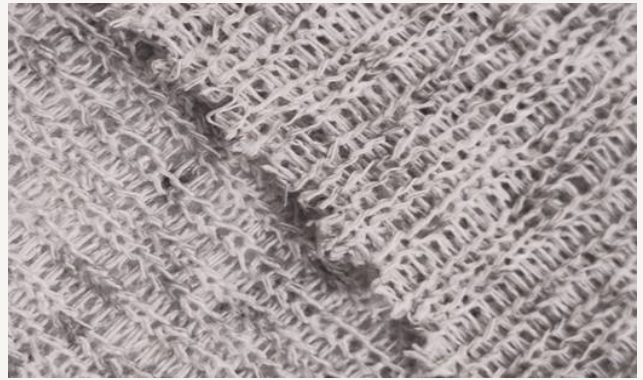
180 g/m²

KHỔ VẢI

165 CM

LINEN BLEND · NATURAL HAND · BREATHABLE

Ứng dụng: dresses, trousers, bags, cushions



S5006#

Linen Fringe Cord Knit

linen / viscose

KHỔ VẢI

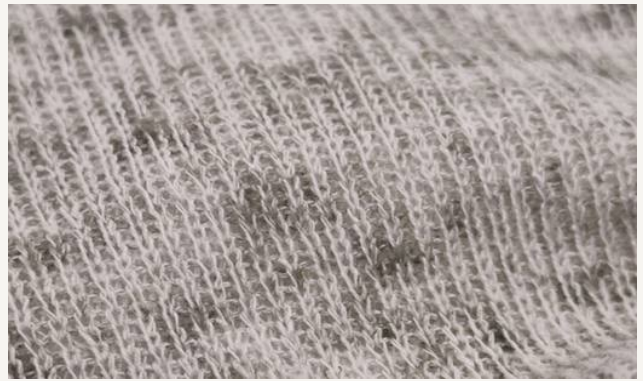
165 CM

MÙA

S / S

LINEN BLEND · FRINGE TEXTURE · BREATHABLE

Ứng dụng: dresses, trousers, bags, cushions



S5005#

Linen Tassel Cord Knit

linen / cotton

KHỔ VẢI

165 CM

MÙA

S / S

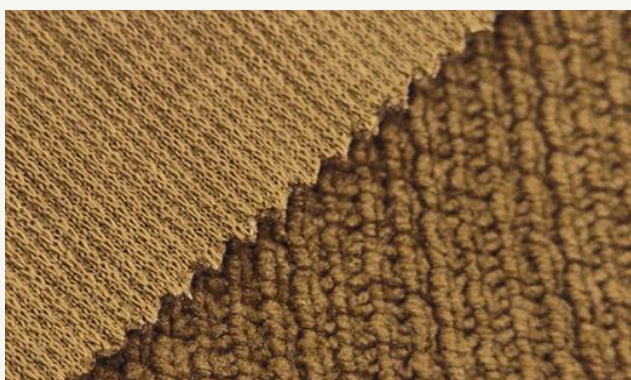
LINEN BLEND · CORD TEXTURE · BREATHABLE

Ứng dụng: dresses, trousers, bags, cushions

Vải Chenille & nhung

6 chất liệu

Vải chenille và nhung có lông, tay vải mềm ấm với cấu trúc sọc gân rõ nét — cho đồ bộ thu/đông, quần ống rộng, đồ trẻ em và hàng gia dụng.



M9508# **Brushed Velour Plush**

75% chenille / 22% polyester / 3% spandex

MÙA

A / W

PLUSH PILE · ULTRA SOFT · THERMAL

Ứng dụng: base layers, sleepwear, loungewear, hoodies & sweats

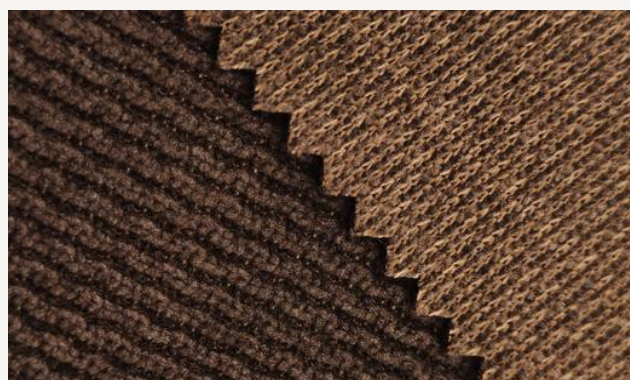


S6051# **Lyocell Soft Velour Knit**

69% polyester / 29% lyocell / 2% spandex

VELVETY HAND · STRETCH · NEXT-TO-SKIN

Ứng dụng: base layers, dresses, co-ord sets



M9501# **Chenille Twist Cord**

96% chenille / 4% spandex

MÙA

3-SEASON

CHENILLE YARN · TEXTURED CORD · SOFT LOFT

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers



M9503# **Chenille Medium Cord Velour**

96% chenille / 4% spandex

MÙA

A / W

CHENILLE YARN · MEDIUM CORD · PLUSH HAND

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers



M9502#

Chenille Chopstick Cord

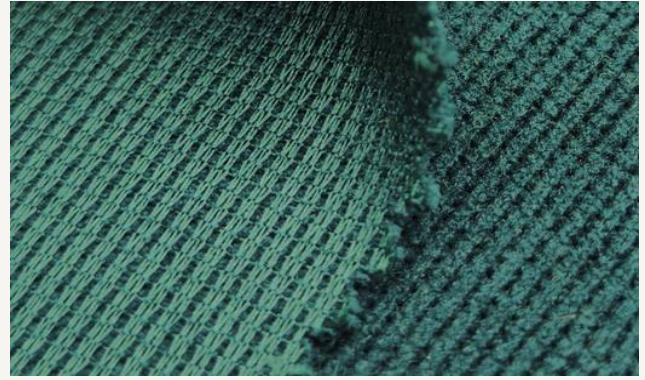
63% chenille / 27% polyester / 10% spandex

MÙA

S / S

CHENILLE YARN · FINE CORD · PLUSH HAND

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers



M9505#

Chenille Micro Cord Velour

63% chenille / 27% polyester / 10% spandex

MÙA

3-SEASON

CHENILLE YARN · MICRO CORD · PLUSH HAND

Ứng dụng: hoodies & sweats, dresses, wide-leg trousers, trousers